

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Số: 331/QĐ-CTHADS

An Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH AN GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2022 và Quyết định số 318/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3: Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán Hành chính Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang TTĐT Cục,
- Lưu: VT.

CỤC TRƯỞNG



Lâm Phước Nghĩa

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 TT-BTC, ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục THADS tỉnh An Giang
Chương:014

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHẦN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 331/QĐ-CTHADS ngày 30/12/2022 của Cục trưởng Cục THADS)
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	VP Cục	Long Xuyên	Châu Đốc	An Phú	Châu Phú	Châu Thành	Phủ Tân	Tân Châu	Chợ Mới	Tri Tôn	Tịnh Biên	Thoại Sơn
I	2	3	4=5+6+...+1	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	7.828.278	7.828.278	1.657.151	1.393.119	560.472	230.659	572.791	615.132	591.833	529.491	797.370	303.614	168.745	407.901
I	Số thu phí, lệ phí	7.828.278	7.828.278	1.657.151	1.393.119	560.472	230.659	572.791	615.132	591.833	529.491	797.370	303.614	168.745	407.901
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		0												
	Chi quản lý hành chính	4.305.554	4.305.554	911.433	766.215	308.260	126.862	315.035	338.323	325.508	291.220	438.554	166.988	92.810	224.346
	4.201.854	4.201.854	4.201.854	911.433	702.315	308.260	126.862	304.035	338.323	325.508	291.220	413.654	166.988	88.910	224.346
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	103.700	103.700		63.900	0	0	11.000	0	0	0	24.900		3.900	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.957.069	1.957.069	414.288	348.280	140.118	57.665	143.198	153.783	147.958	132.373	199.342	75.903	42.186	101.975
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.957.069	1.957.069	414.288	348.280	140.118	57.665	143.198	153.783	147.958	132.373	199.342	75.903	42.186	101.975
	Phí thi hành án	32.259.378	32.259.378	6.510.566	3.477.212	2.076.839	1.657.615	2.195.278	1.982.740	2.420.300	2.302.598	3.213.117	2.384.181	1.913.835	2.125.097
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	32.259.378	32.259.378	6.510.566	3.477.212	2.076.839	1.657.615	2.195.278	1.982.740	2.420.300	2.302.598	3.213.117	2.384.181	1.913.835	2.125.097
	Chi quản lý hành chính(340-341)	28.628.488	28.628.488	5.743.676	3.177.212	2.016.839	1.557.615	2.065.278	1.832.740	2.090.300	2.077.598	2.779.117	1.834.181	1.578.835	1.875.097
I	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ														



